

Mỹ Tiến, ngày 20 tháng 09 năm 2024

THÔNG BÁO

MỨC THU HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025

Căn cứ Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 13/3/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định Quy định thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập chưa đảm bảo chi thường xuyên do tỉnh Nam Định quản lý;

Căn cứ Công văn số 1617/SGDĐT-KHTC ngày 30/08/2024 của Sở GD&ĐT tỉnh Nam Định về việc hướng dẫn thực hiện quản lý thu, chi học phí đối với cơ sở giáo dục do tỉnh Nam Định quản lý năm học 2024-2025;

Căn cứ Công văn số 1628/HD-SGDĐT ngày 05/09/2024 của Sở GD&ĐT tỉnh Nam Định về việc thực hiện quản lý thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập do tỉnh quản lý năm học 2024-2025;

Căn cứ Công văn số: 633 /PGDĐT – KHTC ngày 13/9/2024 của Phòng Giáo dục Đào tạo Về việc thực hiện quản lý thu chi học phí, các khoản dịch vụ phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2024-2025;

Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương;

Thực hiện nhiệm vụ năm học 2024- 2025 của nhà trường. Trường Mầm non Mỹ Tiến xây dựng kế hoạch dự toán thu – chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường năm học 2024- 2025 như sau:

1. Các khoản thu quy định:

- Mức thu: 90.000 đồng/học sinh/tháng (thu theo tháng thực học).
- Chính sách miễn, giảm học phí thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Trẻ em 5 tuổi học tại trường được miễn học phí từ năm học 2024-2025 (được hưởng từ ngày 01/9/2024).

2. Các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục:

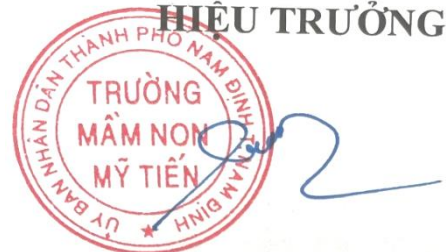
STT	Nội dung thu	Mức thu được cấp có thẩm quyền cho phép	Mức thu nhà trường xây dựng thỏa thuận cha mẹ học sinh	Mức thu cha mẹ học sinh thống nhất thỏa thuận nhà trường	Nguyên tắc thu thỏa thuận

1	Tiền nước uống học sinh	≤ 10.000 đồng/Hs/tháng	10.000 đồng/học sinh/tháng	10.000 đồng/học sinh/tháng	Thu theo số tháng thực học, không quá 9 tháng trong 01 năm học
2	Tiền ăn bán trú	Xây dựng thực đơn đảm bảo chế độ dinh dưỡng theo độ tuổi thống nhất với CMT	22.000 đồng/trẻ/ngày	22.000 đồng/trẻ/ngày	Thu theo số ngày thực tế ăn bán trú
3	Chăm sóc trẻ ngày thứ bảy và trong thời gian nghỉ hè	≤ 30.000 đồng/trẻ/ngày	30.000 đồng/trẻ/ngày	30.000 đồng/trẻ/ngày	Thu theo số ngày thực học
4	Dịch vụ vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh	≤ 18.000 đồng/hs/tháng	18.000 đồng/trẻ/tháng	18.000 đồng/trẻ/tháng	Thu theo số tháng thực học, không quá 10 tháng trong 1 năm học
5	Dịch vụ trả công thuê người nấu ăn bán trú	≤ 100.000 đồng/hs/tháng	95.000 đồng/trẻ/tháng	95.000 đồng/trẻ/tháng	Thu theo số tháng thực tế nuôi ăn bán trú
6	Dịch vụ quản lý, chăm sóc trẻ (học sinh) buổi trưa ăn bán trú và ngoài giờ hành chính	≤ 6.000 đồng/ học sinh /ngày	6.000 đồng/trẻ/ngày	6.000 đồng/trẻ/ngày	Thu theo số ngày thực tế nuôi ăn bán trú
7	Đóng góp lần đầu tiên phục vụ nuôi ăn bán trú các cấp học (chăn, gối, đệm, giát giường, tiền mua dụng cụ bếp ăn bán trú,...)	Xây dựng kế hoạch mua mới, bổ xung theo nguyên tắc thu đủ chi	- Đối với trẻ 5 tuổi: 300.000 đồng/trẻ/lần đầu khi đến trường. - Đối với trẻ dưới 5 tuổi: 500.000 đồng/trẻ/lần đầu khi đến trường	- Đối với trẻ 5 tuổi: 300.000 đồng/trẻ/lần đầu khi đến trường. - Đối với trẻ dưới 5 tuổi: 500.000 đồng/trẻ/lần đầu khi đến trường	Thực hiện theo năm học nguyên tắc thu đủ chi, thu thực tế theo trẻ

8	Ứng dụng kết nối nhà trường và phụ huynh học sinh App vnedu connect	50.000đ/học sinh/năm học	50.000 đồng/trẻ/ năm học	50.000 đồng/trẻ/ năm học	Thu theo năm học
---	---	--------------------------	--------------------------	--------------------------	------------------

Nơi nhận:

- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VP./.

**Nguyễn Thị Minh Chính**